

Số: *14*/2022/NQ-HĐND

Long An, ngày *13* tháng 7 năm 2022

**NGHỊ QUYẾT**

**Về quy định mức thu học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập và cơ sở giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh Long An**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH LONG AN  
KHÓA X - KỲ HỌP THỨ SÁU**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật sửa đổi một số điều của Luật Tổ Chức phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2019;*

*Căn cứ Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;*

*Căn cứ Thông tư số 09/2021/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 3 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về quản lý và tổ chức dạy học trực tuyến trong cơ sở giáo dục phổ thông và cơ sở giáo dục thường xuyên;*

*Theo Tờ trình số 1975/TTr-UBND ngày 27 tháng 6 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc đề nghị Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết quy định về mức thu học phí đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập và cơ sở giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh Long An; Báo cáo thẩm tra số 555/BC-HĐND ngày 01 tháng 7 năm 2022 của Ban Văn hóa - xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Thống nhất quy định mức thu học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập và cơ sở giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh Long An, như sau:

**1. Phạm vi điều chỉnh**

Nghị quyết này quy định về mức thu học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập và cơ sở giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh Long An.

## 2. Đối tượng áp dụng

- Trẻ em học mầm non và học sinh đang học tại cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập, học viên học tại cơ sở giáo dục thường xuyên thực hiện chương trình giáo dục phổ thông trên địa bàn tỉnh Long An.

- Cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập và cơ sở giáo dục thường xuyên thực hiện chương trình giáo dục phổ thông trên địa bàn tỉnh Long An.

- Các tổ chức, cá nhân có liên quan.

### Điều 2. Học phí đối với cơ sở giáo dục công lập năm học 2022 - 2023

#### 1. Mức thu học phí

a) Mức học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập chưa tự đảm bảo chi thường xuyên:

*Đơn vị: đồng/học sinh/tháng*

Loại hình trường, Cấp học	Vùng thành thị (phường thuộc thành phố, thị xã; thị trấn thuộc huyện)		Vùng nông thôn (Các xã còn lại)
- Mầm non (gồm nhà trẻ và mẫu giáo)	300.000		100.000
- Trung học cơ sở	300.000		100.000
- Trung học phổ thông	300.000		200.000

b) Đối với cơ sở giáo dục thường xuyên thực hiện chương trình giáo dục phổ thông được áp dụng mức thu học phí tương đương với mức thu học phí của cơ sở giáo dục phổ thông công lập cùng cấp học trên địa bàn.

#### 2. Mức học phí theo hình thức dạy học trực tuyến (online) đối với cơ sở giáo dục công lập thực hiện chương trình giáo dục phổ thông

Những cơ sở giáo dục công lập dạy học trực tuyến (online) thu học phí bằng 75% mức thu học phí tại điểm a khoản 1 điều này.

#### 3. Quy định thời gian thu học phí

Đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập và cơ sở giáo dục thường xuyên thực hiện chương trình giáo dục phổ thông trong trường hợp xảy ra thiên tai, dịch bệnh, các sự kiện bất khả kháng thì học phí được thu theo số tháng học thực tế (bao gồm cả thời gian dạy học trực tuyến, bố trí học bù tại trường); không thu học phí trong thời gian không tổ chức dạy học. Mức thu học phí đảm bảo nguyên tắc theo số tháng thực học và chi phí phát sinh cần thiết để tổ chức dạy học nhưng không vượt quá tổng thu học phí tính theo số tháng tối đa của 01 năm học (tối đa 9 tháng/năm đối với cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông) và công khai từ đầu năm học trong các cơ sở giáo dục.

Đối với các tháng có thời gian học thực tế (bao gồm cả thời gian dạy học trực tuyến, bố trí học bù tại trường) không đủ cả tháng, việc xác định thời gian thu học phí được tính như sau: Trường hợp thời gian dạy học thực tế trong tháng dưới 14 ngày (bao gồm cả số ngày nghỉ theo quy định của pháp luật) thì thực hiện thu học phí nửa tháng; trường hợp thời gian dạy học thực tế trong tháng từ 14 ngày trở lên (bao gồm cả số ngày nghỉ theo quy định của pháp luật) thì thực hiện thu đủ tháng.

### **Điều 3. Học phí đối với cơ sở giáo dục công lập từ năm học 2023-2024 trở đi**

Căn cứ vào tình hình phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh điều chỉnh mức thu học phí cho phù hợp, nhưng không được vượt quá mức trần do Chính phủ quy định.

### **Điều 4. Chế độ miễn, giảm học phí tại các cơ sở giáo dục công lập**

Việc miễn, giảm học phí cho các đối tượng được thực hiện theo Chương IV Nghị định 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ.

### **Điều 5. Tổ chức thực hiện**

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết; đồng thời, tiếp tục nghiên cứu, kịp thời trình Hội đồng nhân dân tỉnh điều chỉnh, bổ sung các nội dung theo chủ trương của Trung ương, Tỉnh ủy.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh khóa X, kỳ họp thứ Sáu (kỳ họp lệ giữa năm 2022) thông qua ngày 13 tháng 7 năm 2022 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 8 năm 2022./.

#### **Nơi nhận:**

- UB Thường vụ Quốc hội (b/c);
- Chính phủ (b/c);
- VP. Quốc hội, VP. Chính phủ (TP.HCM) (b/c);
- Ban Công tác đại biểu của UBTVQH (b/c);
- Các Bộ: Giáo dục và Đào tạo, Tài chính, Lao động Thương binh và Xã hội;
- Vụ Pháp chế-Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL- Bộ Tư pháp;
- TT.Tỉnh ủy; TT. HĐND tỉnh (b/c);
- Đại biểu QH đơn vị tỉnh Long An;
- Đại biểu HĐND tỉnh khóa X;
- UBND tỉnh, UBMTTQ tỉnh;
- Các sở, ngành, đoàn thể tỉnh;
- TT.HĐND, UBND huyện, thị xã, thành phố;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- Các phòng thuộc VP Đoàn ĐBQH và HĐND;
- Trang thông tin điện tử HĐND tỉnh;
- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh;
- Lưu: VT (NgC). (14)

**CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Văn Được**